

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 14 (TỪ 06.12.21 ĐẾN 11.12.21)

1. MÔN: HÓA HỌC KHỐI 9

CHỦ ĐỀ 5: TÍNH CHẤT CỦA KIM LOẠI (tiếp theo)

HỢP KIM SẮT: GANG-THÉP

ĂN MÒN KIM LOẠI – BẢO VỆ KIM LOẠI KHÔNG BỊ ĂN MÒN

I/ Hợp kim Iron: gang - thép:

Hợp kim là chất rắn thu được sau khi làm nguội hỗn hợp nóng chảy của nhiều kim loại khác nhau hoặc của kim loại và phi kim.

a/ Gang: Là hợp kim của Fe và C (%C từ 2 - 5%)

*** Luyện gang:**

- Nguyên liệu:

- + Quặng Iron (sắt)
- + Chất chảy: CaCO_3 phân hủy thành CaO kết hợp với SiO_2 có trong quặng để tạo xỉ.
- + Than cốc (tạo chất khử CO)
- + Không khí nóng giàu oxi: tạo chất khử CO từ than

- Nguyên tắc: Dùng khí CO khử quặng oxide của iron trong lò cao

Gang ứng dụng để đúc bệ máy, ống dẫn nước,...

b/ Thép: Là hợp kim của Fe và C (%C < 2%)

*** Luyện thép:**

- Nguyên liệu: Gang, sắt, thép phế liệu, chất chảy (CaCO_3 , SiO_2), không khí nóng, dầu mazut.

- Nguyên tắc: oxi hóa tạp chất (Si, S, P, C,...) để loại khỏi gang.

Thép ứng dụng để chế tạo máy, vật dụng, công cụ lao động...

II. Ăn mòn kim loại – bảo vệ kim loại không bị ăn mòn:

1. Thế nào là sự ăn mòn kim loại:

Sự phá huỷ kim loại, hợp kim do tác dụng hoá học của môi trường gọi là sự ăn mòn kim loại.

2. Những yếu tố ảnh hưởng tới sự ăn mòn kim loại

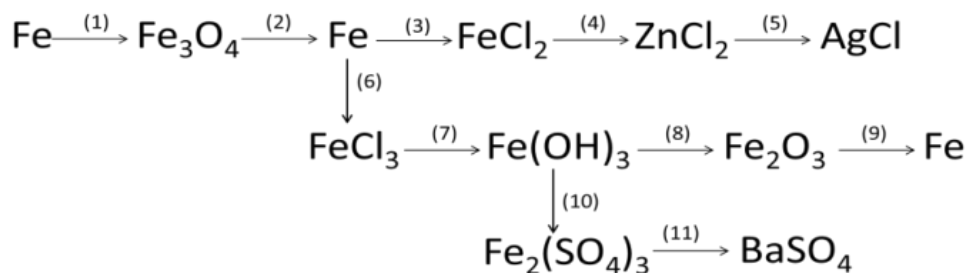
* Sự ăn mòn kim loại xảy ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào thành phần môi trường mà nó tiếp xúc, nhiệt độ của môi trường,...

3. Biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn

- Ngăn không cho kim loại tiếp xúc với môi trường như: sơn, tráng men, bôi dầu mỡ ... lên bề mặt kim loại.

- Chế tạo hợp kim ít bị ăn mòn như: thêm Cr, Ni vào thép.

III. Luyện tập: Hoàn thành chuỗi PTHH sau:



-----HẾT-----

2A. MÔN: ĐẠI SỐ 9

ÔN TẬP CHƯƠNG II

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Ôn lại

- Hàm số bậc nhất
- Hàm số đồng biến, nghịch biến
- Điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau, cắt nhau tại tung độ gốc.
- Hệ số góc của đường thẳng
- Tính góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox.
- Rèn kỹ năng:
 - Vẽ đồ thị hàm số bậc nhất
 - Đọc đồ thị hàm số bậc nhất
 - Tìm tọa độ giao điểm của 2 đồ thị bằng phép tính
 - Xác định hệ số a, b của hàm số bậc nhất

B. LUYỆN TẬP:

Bài tập tự luyện: (bài 22 đến 26 trang 13, 14 đề cương hk1 toán 9)

22. Công ty Viễn Thông A cung cấp dịch vụ Internet với mức phí ban đầu là 400 000 và phí hàng tháng là 50 000 đ Công ty Viettel cung cấp dịch vụ Internet không tính phí ban đầu nhưng phí hàng tháng là 90 000 đồng.

a) Viết 2 hàm số biểu thị mức phí khi sử dụng internet của hai công ty

b) Hỏi bạn An sử dụng Internet trên mấy tháng thì chọn dịch vụ bên công ty Viễn thông A có lợi hơn?

23. Trong kho hàng có tất cả 800 tấn hàng và mỗi ngày người ta đến kho lấy đi 30 tấn hàng.

a) Hãy viết hàm số biểu thị số hàng còn lại trong kho

b) Hỏi sau mấy ngày thì trong kho còn 260 tấn hàng

2B. MÔN: TOÁN. HÌNH HỌC LỚP 9

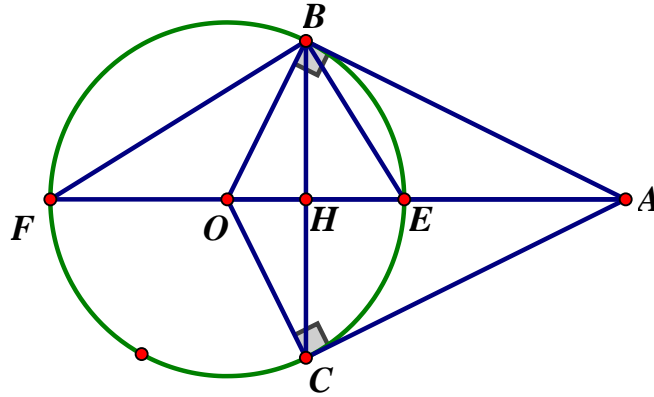
ÔN TẬP CHƯƠNG 2

- 1/ a) Tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông là trung điểm của cạnh huyền.
b) Nếu một tam giác có một cạnh là đường kính của đường tròn ngoại tiếp thì tam giác đó là Δ vuông.
- 2/ a) Đường tròn là hình có tâm đối xứng. Tâm của đường tròn là tâm đối xứng của đường tròn đó.
b) Đường tròn là hình có trục đối xứng: Bất kỳ đường kính nào cũng là trục đối xứng của đường tròn.
- 3/ Trong các dây của đường tròn dây lớn nhất là đường kính.
- 4/ Trong một đường tròn.
a) Đường kính vuông góc với một dây thì đi qua trung điểm của dây ấy.
b) Đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm thì vuông góc với dây ấy.
c) Hai dây bằng nhau thì cách đều tâm, hai dây cách đều tâm thì bằng nhau.
d) Dây lớn hơn thì gần tâm hơn, dây gần tâm hơn thì lớn hơn.
- 5/ a) Nếu một đường thẳng là tiếp tuyến của một đường tròn thì nó vuông góc với bán kính đi qua tiếp điểm.
b) Nếu một đường thẳng đi qua một điểm của đường tròn và vuông góc với bán kính đi qua điểm đó thì đường thẳng ấy là tiếp tuyến của đường tròn.
- 6/ Nếu hai tiếp tuyến của một đường tròn cắt nhau tại một điểm thì:
a) Điểm đó cách đều hai tiếp điểm.
b) Tia kẻ từ điểm đó đi qua tâm là tia phân giác của góc tạo bởi hai tiếp tuyến.
c) Tia kẻ từ tâm đi qua điểm đó là tia phân giác của góc tạo bởi hai bán kính đi qua các tiếp điểm.
- 7/ Nếu hai đường tròn cắt nhau thì đường nối tâm là đường trung trực của dây chung.

Bài 1

Từ điểm A nằm ngoài đường tròn $(O; R)$ vẽ hai tiếp tuyến AB, AC đến đường tròn (O) (B, C là tiếp điểm). Gọi H là giao điểm của OA và BC.

- a) Chứng minh : $OA \perp BC$ tại H ; suy ra $OH.OA = R^2$
b) Gọi E và F lần lượt là giao điểm của tia AO với (O) (E nằm giữa O và A). Chứng minh $AH.AO = AE.AF$.



a/ Chứng minh : $OA \perp BC$ tại H ; suy ra $OH.OA = R^2$

-Ta có: $OB = OC = R$

$AB = AC$ (tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau)

Nên OA là trung trực của BC

Vậy $OA \perp BC$ tại H

- ΔABO có $\angle ABO = 90^\circ$ (tính chất tiếp tuyến); $BH \perp AO$ nên

$$OH.OA = OB^2 = R^2$$

b/ Chứng minh $AH.OA = AE.AF$.

Ta có $\widehat{ABF} = \widehat{ABO} + \widehat{OBF} = 90^\circ + \widehat{OBF}$ (1)

Mà $\widehat{AEB} = \widehat{FBE} + \widehat{BFE} = 90^\circ + \widehat{BFE}$ (tính chất góc ngoài ΔBEF) (2)

Lại có $OB = OF =$ bán kính (O)

$\Rightarrow \Delta OBF$ cân tại O

$\Rightarrow \widehat{OFB} = \widehat{OBF}$ (3)

Từ (1) (2) (3) suy ra $\widehat{ABF} = \widehat{AEB}$ (3)

Xét ΔABF và ΔAEB có

A chung

$$\widehat{ABF} = \widehat{AEB} \text{ (cmt)}$$

$\Rightarrow \Delta ABF \sim \Delta AEB$ (g.g)

$$\Rightarrow \frac{AB}{AE} = \frac{AF}{AB}$$

$$\Rightarrow AB^2 = AE.AF \text{ (4)}$$

ΔAOB vuông tại B (tính chất tiếp tuyến) Có BH là đường cao

$$\Rightarrow AH.OA = AB^2 \text{ (5)}$$

Từ (4) và (5) Suy ra $AH.OA = AE.AF$

Bài 2 (bài 6 . Đề 12)

Cho đường tròn (O) có đường kính AB và một điểm C thuộc đường tròn (C khác A và B, $AC > BC$). Kẻ OH vuông góc với AC tại H, tia OH cắt tiếp tuyến tại A của đường tròn (O) ở D.

a) Chứng minh: DC là tiếp tuyến của (O).

b) BD cắt đường tròn (O) tại E (E khác B). Chứng minh: $DC^2 = DB . DE$

Tiếp tuyến tại B của đường tròn (O) cắt đường thẳng CD tại M. Đường thẳng qua C vuông góc với AB cắt BD tại I. Chứng minh : Ba điểm A, I, M thẳng hàng.

-----HẾT-----

3. MÔN: TIẾNG ANH 9

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

- TIẾT 27 : Unit 4 – Language Focus (HS tự thực hiện)
- TIẾT 28 : Unit 5 – Listen and read

TIẾT 25: Unit 4: LEARNING A FOREIGN LANGUAGE – LANGUAGE FOCUS (HS tự thực hiện)

A. LÝ THUYẾT

Grammar: REPORTED SPEECH

- 1/ I / me / my -> S
You / your -> O
We -> They
us -> them
our -> their
- 2/ This -> that
These -> those
Here -> there
Now -> then
Today -> that day
Tonight -> that night
Tomorrow -> the next day/ the day after/ the following day
Next week -> the week after/ the following week
Next year -> the year after/ the following year
Yesterday -> the day before/ the previous day
Last week -> the week before/ the previous week
3 days ago -> 3 days before
- 3/ S + Vs/es -> S + V2/ed
S + am / is / are -> S + was/ were + Ving
S + V2/ed -> S + had + V3/ed
S + have / has + V3 Ved -> S + had + V3/ed
Can -> could
May -> might
Will -> would
must -> must/ had to
Should -> should

1. Câu tường thuật ở dạng câu kể

S + say(s)/said + (that) + S + V

(said to + O -> told+O)

Eg: He said to me "I haven't finished my work"

-> He told me he hadn't finished his work.

2. Câu tường thuật ở dạng câu hỏi

a. Yes/No questions:

S+ asked/wanted to know/wondered + if/wether +S+V

Ex: "Are you angry?"he asked -> He asked if/whether I was angry.

b.Wh-questions:

S + asked(+O)/wanted to know/wondered + Wh-words + S + V.

* *said to* + O -> **asked** + O.

Ex: "What are you talking about?"said the teacher.

-> The teacher asked us what we were talking about.

B. LUYỆN TẬP

1. Complete the sentences. Use the modal verbs in brackets and the information in the box. (Hoàn thành các câu sau. Sử dụng động từ khuyết thiếu trong dấu ngoặc và thông tin trong khung.)

a) Lan: My grades are terrible.

Mrs. Quyen: If you want to get good grades, you **must** study hard.

b) Hoa: I'd like to be a doctor.

Aunt Thanh: You **have to** go to university if you want to study medicine.

c) Ba: Oh, no! I weigh 60 kilos!

Nga: If you want to lose weight, you **should** do exercise.

d) Tuan: Where's Ba? He's very late.

Mrs. Hoa: If he doesn't come soon, he **might** miss the train.

e) Mr. Ha: I feel sick.

Mrs. Nga: If you want to get well, you **ought to** stay in bed.

f) Na: I'd like to go to the movies.

Mrs. Kim: You **must** do your homework if you want to go out.

2. Complete the table. (Hoàn thành bảng.)

| Direct speech | Reported speech | Direct speech | Reported speech |
|---------------------------|------------------------|---------------|-------------------|
| present simple tense | past simple tense | these | those |
| present progressive tense | past progressive tense | here | there |
| future simple tense | present conditional | now | then |
| can/ may | could/ might | today | that day |
| must | had to/ must | tomorrow | the following day |

3. Lan's father held a party to celebrate his mother's birthday. Unfortunately, Mrs Thu, her grandmother, has a hearing (Cha của Lan đã tổ chức một bữa tiệc để ăn mừng sinh nhật của mẹ mình. Thật không may, bà Thu, bà ngoại cô ấy, lại bị ngãng tai và bà không thể nghe những gì mọi người nói. Sau bữa tiệc, Lan tường thuật tất cả mọi thứ cho bà ngoại.)

a) Uncle Hung said (that) the birthday cake was delicious.

b) Miss Nga said (that) she loved the roses.

c) Cousin Mai said (that) she was having a wonderful time there.

d) Mr. Chi said (that) he would go to Hue the following day.

e) Mrs. Hoa said (that) she might have a new job.

f) Mr. Quang said that he must leave then.

4. This morning Nga had an interview for a summer job. When she arrived home, she told her mother about the interview. (Sáng nay, Nga đã có một buổi phỏng vấn xin việc mùa hè. Khi cô ấy trở về nhà, cô ấy đã kể lại buổi phỏng vấn ấy cho mẹ cô ấy.)

Example:

"Do you like pop music?"

=> She asked me if I liked pop music.

or She asked me whether I liked pop music.

"Where do you live?"

=> She asked me where I lived.

Gợi ý:

a) She asked me how old I were.

b) She asked me if my school near there.

c) She asked me what the name of my school.

d) She asked me whether you went to school by bicycle.

e) She asked me which grade I'm in.

f) She asked me if I could/ can use a computer.

g) She asked me why I wanted that job.

h) She asked me when my school vacation started.

➤ **TIẾT 28 : Unit 5 – Listen and read**

A. LÝ THUYẾT

1. New words

viewer (n) khán giả (xem TV)

channel (n) kênh

benefit (n) lợi ích

town crier (n) người rao trên phố

adult (n) người lớn

thanks TO : nhờ vào

stage (n) giai đoạn

remote control (n) bộ điều khiển từ xa

Interact (v) tương tác

Interactive (a) mang tính tương tác

B. LUYỆN TẬP

a) Complete the table with the passage letters in which these facts or events are mentioned. (Hoàn thành bảng dưới đây bằng cách điền vào các chữ cái đầu mỗi đoạn văn mà trong đó các sự kiện được đề cập tới.)

Gợi ý:

| | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|
| 1. D | 2. B | 3. B | 4. C | 5. A | 6. D |
|------|------|------|------|------|------|

b) Answer the question (Trả lời câu hỏi.)

1. What was a town crier? (Người rao tin là gì?)

=> A town crier was a person who went through city streets ringing the bell and shouting the latest news.

2. How popular is the Kien Thuc Ngay Nay? (*Tờ Kiến Thức Ngày Nay phổ biến như thế nào?*)

=> The Kien Thuc Ngay Nay is widely read by both teenagers and adults.

3. What benefits does TV bring about to people's life?

(*Các kênh của TV mang lại lợi ích gì cho cuộc sống con người?*)

=> Thanks to TV people now can get the latest news and enjoy interesting programs and watch a variety of local and international programs on different channels.

4. What kind of magazines and newspapers do you read? (*Bạn đọc loại sách và tạp chí nào?*)

=> I read the magazines and newspapers on science and social issues.

5. What's your favorite type of media? Why?

(*Bạn thích loại phương tiện truyền thông nào? Tại sao?*)

=> My favorite type of media is TV, because it can bring us a lot of varied news and interesting programs on every life and science.

C. LUYỆN TẬP THÊM

I/ Rewrite each sentence so that it means almost the same as the one printed before it

1. "I'll have a cup of tea with you," she said.

She said that.....

2. "I'll pay him if I can" she said.

She said that... ..

3. "What are you going to do next summer?" she asked

She asked us.... ..

4. "I'll phone you tomorrow, Jack " said she.

He told Jack that.... ..

5. "Can I sit beside you ?" Tom asked.

Tom asked me.... ..

6. "I want a camera for my birthday," he said.

He said that.... ..

7. "Don't keep the door locked," he said to us.

He told us.... ..

8. "How long are you going to stay?" I asked him.

I asked him how long.....

9. "Are you going by train?" she asked me.

She wanted to know.... ..

10. "Is the bus station far away?" the girl asked.

The girl wanted to know... ..

II. Use the correct form of the word given in each sentence

1/ They are young _____ parents and need support (experience)

2/ The candidates need to _____ the job application form (completion)

3/ The fire _____ destroyed all the buildings at the center of the city (complete)

- 4/ That company has a worldwide _____ for quality (repute)
- 5/ Nam found this film _____ so he turned off the TV and went to bed (Interest)
- 6/ How many _____ take the examination (examine)
- 7/ What questions does the _____ ask you ? (examine)
- 8/ The doctor is _____ a patient now (examine)
- 9/ There are two _____ - one at the front and one round the back (enter)
- 10/ What are his _____ for the job ? (qualify)

-----HÉT-----

4. MÔN: THỂ DỤC 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

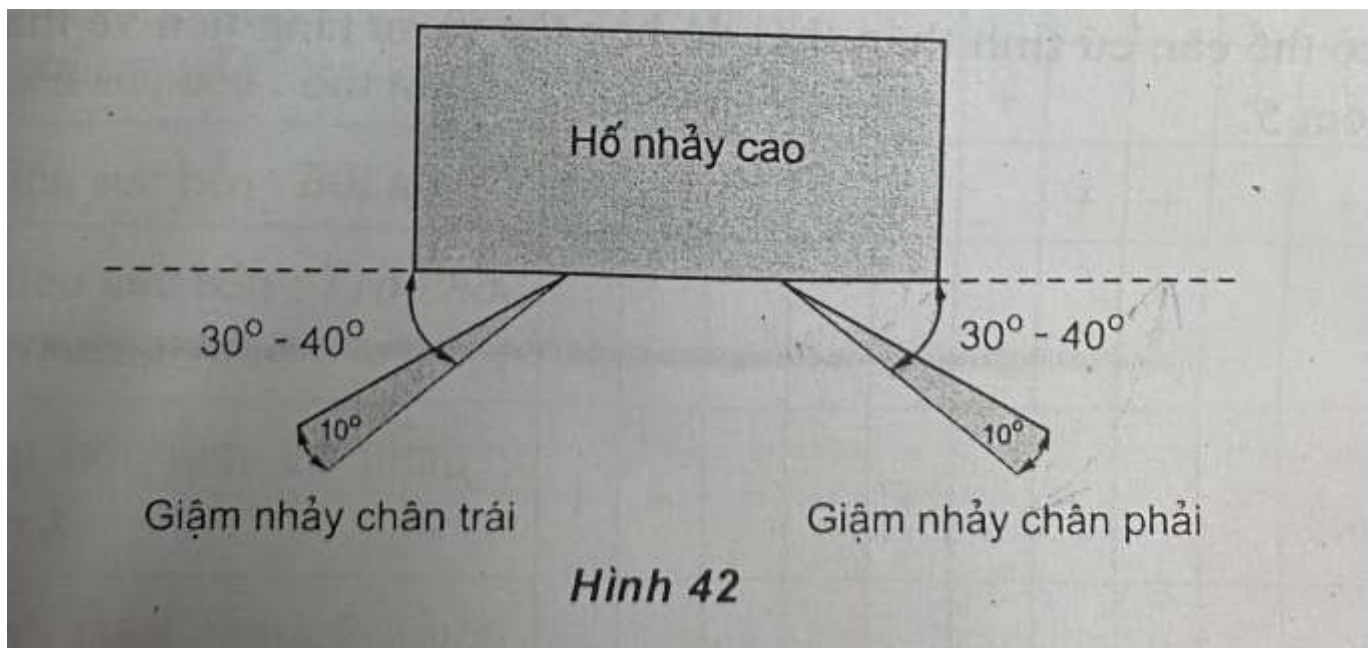
Chủ đề: NHẢY CAO KIỂU NẪM NGHIÊNG:

- Kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy. (HS tự tập luyện)
- Trò chơi phát triển cơ chi dưới.

* **Kiến thức:** Hiểu biết cơ bản về Kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy và trò chơi "Bật xa tiếp sức".

* **Kỹ năng:** Thực hiện cơ bản đúng Kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy và trò chơi phát triển chi dưới. (Học sinh tự tập tại nhà).

1. Kỹ thuật chạy đà:

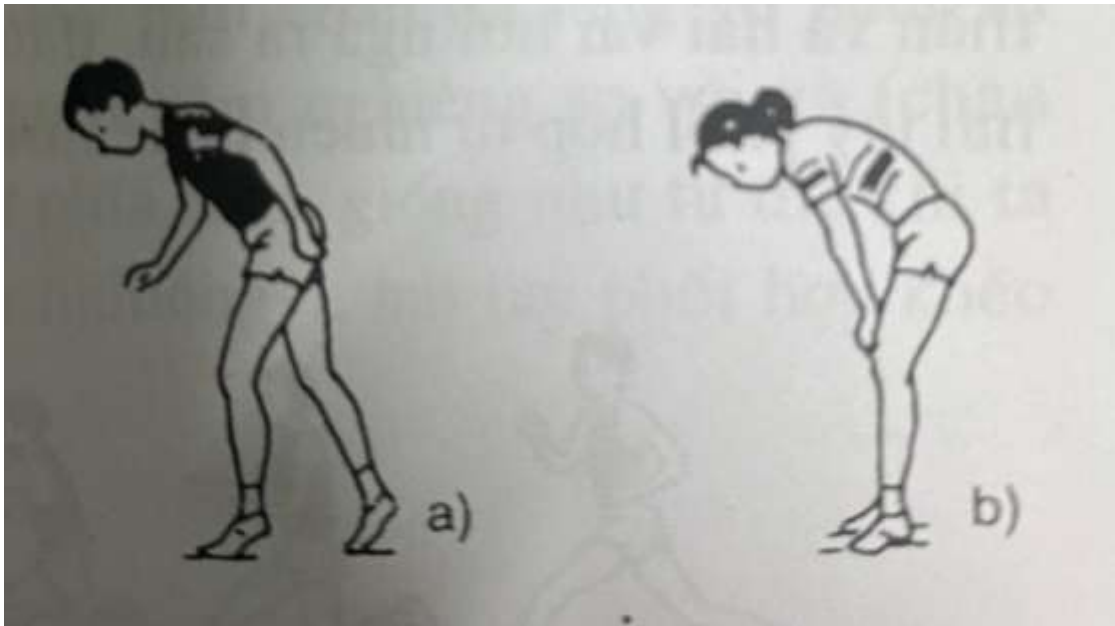


- Số bước chạy đà khoảng 6 - 10 bước (bước chẵn) hoặc 7 - 11 bước (bước lẻ). Mỗi bước tương đương độ dài của 5 - 6 bàn chân nối tiếp nhau. Góc chạy đà chệch với xà khoảng 30 - 40°. Giậm nhảy chân phải, đứng bên phải của xà theo chiều nhìn vào xà và ngược lại (H. 42).

Kỹ thuật chạy đà gồm: Tư thế chuẩn bị và chạy đà.

- Tư thế chuẩn bị:

Cách thứ nhất: Đứng chân trước chân sau, chân lằng trước (bước lẻ) hoặc chân giậm trước (bước chẵn), mũi bàn chân trước sát vạch xuất phát. Hai chân chạm đất bằng nửa trước bàn chân và khuỷu gối (chân sau khuỷu nhiều hơn chân trước), trọng tâm dồn vào chân trước. Thân hơi ngả ra trước, hai tay buông tự nhiên hoặc hơi co, mắt nhìn xà hoặc mặt đất phía trước cách vạch xuất phát chạy đà khoảng 2 - 3m. Trước khi chạy đà có thể ngả thân trên nhiều ra trước, sau đó ra sau, rồi lại ngả ra trước và tiến hành bước chạy đà đầu tiên (H. 43a).



Cách thứ hai: Đứng hai chân song song (bằng hoặc nhỏ hơn vai) sát vạch xuất phát (H. 43b).

Cách thứ ba: Đi vài bước đến vạch xuất phát chạy đà, sau đó bắt đầu chạy đà. Dù bất kỳ tư thế chuẩn bị nào cũng không nên để có thể gò bó, căng thẳng mà cần tự nhiên, thả lỏng và tập trung chú ý.

- Chạy đà:

Gồm hai phần:

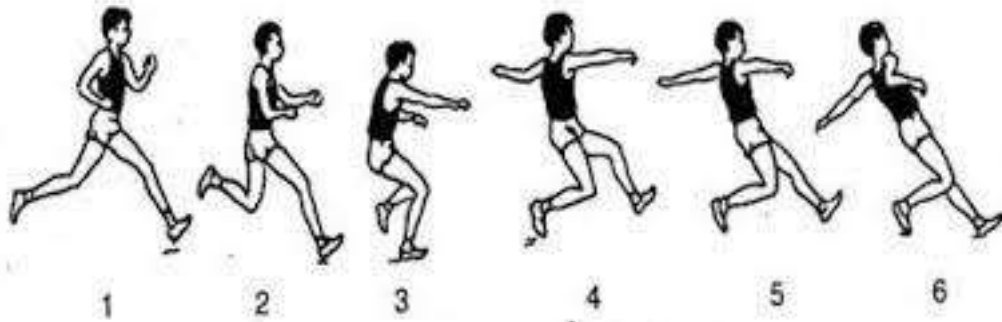
+ **Phần một:** Từ lúc xuất phát đến trước 3 bước đà cuối, độ dài và tốc độ bước chạy tăng dần, độ ngả của thân giảm dần.

+ **Phần hai:** Gồm 3 bước cuối trước khi giậm nhảy. Nhiệm vụ của phần chạy đà này là duy trì tốc độ đã đạt được và chuẩn bị giậm nhảy, sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Ở đây độ dài, nhịp điệu của các bước chạy, tư thế của thân người, của bàn chân cũng như hai tay có tầm quan trọng đặc biệt. Cụ thể:

Bước thứ nhất: Chân giậm nhảy bước ra trước nhanh hơn bước trước đó, chạm đất bằng gót bàn chân, tiếp theo đưa nhanh chân lăng ra trước để thực hiện bước thứ hai.

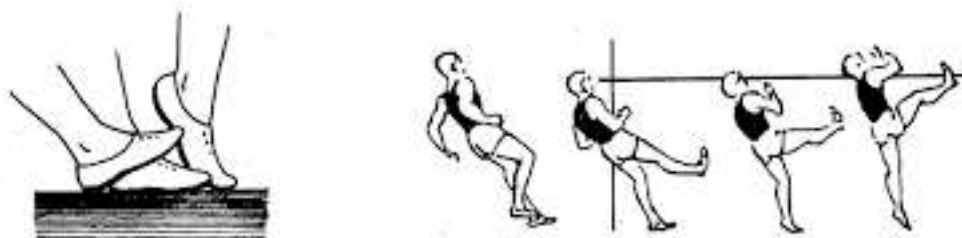
Bước thứ hai: Bước này dài nhất trong ba bước đà cuối, chân chạm đất (chân đá lăng) hơi miết bàn chân xuống dưới - ra sau, giữ thẳng không ngả vai ra sau trước khi kết thúc thời kì chống tựa. Bàn chân khi chạm đất cần thẳng hướng chạy đà, tránh đặt lệch.

Bước thứ ba: Đây là bước đặt chân vào điểm giậm nhảy. Bước này ngắn hơn hai bước trước một chút, nhưng cần thực hiện rất nhanh. Khi đặt chân vào điểm giậm nhảy, chân gần như thẳng từ gót chân rời cả bàn, chân lăng co ở phía sau, thân và hai vai hơi ngả ra sau, đầu và cổ không ngả theo mà hướng mặt về trước, hai tay phối hợp tự nhiên hoặc hơi co, hai khuỷu hướng ra sau.



2. Kỹ thuật giậm nhảy:

Sau khi đặt chân vào điểm giậm nhảy, chân giậm nhảy hơi chùng ở gối tạo thế co cơ, sau đó dồn sức để giậm nhảy. Khi đá lẳng chân ra trước cần chủ động dùng sức của đùi và độ linh hoạt của khớp hông đá chân lên cao. Hai tay phối hợp gần như đồng thời với chân lẳng, đánh hơi vòng xuống dưới - lên cao, khi hai khuỷu tay đến ngang vai thì dừng lại để tạo thế năm người lên.



GIẬM NHẢY

Giậm nhảy là giai đoạn quan trọng nhất trong nhảy cao. Sự phối hợp chính xác, nhịp nhàng giữa giậm nhảy đã lẳng và đánh tay với tốc độ di chuyển của cơ thể (do chạy đà tạo ra) là yếu tố quyết định hiệu quả giậm nhảy.

3. Trò chơi: "Bật xa tiếp sức":

- **Chuẩn bị:** Kẻ một vạch chuẩn bị, một vạch xuất phát cách nhau 1 - 1,5m. Từ vạch xuất phát ra trước 10 - 15m, cắm 4 - 8 cờ nhỏ làm chuẩn. Chia số học sinh trong lớp thành 4 - 8 đội, mỗi đội tương ứng với số cờ chuẩn, học sinh đứng trên cùng của mỗi đội cầm hoặc kẹp một quả bóng vào giữa hai đùi (bóng chuyền hoặc bóng đá).

- **Cách chơi:** Khi có lệnh, học sinh số 1 (của mỗi đội) bật nhảy nhanh bằng hai chân đến cờ, vòng qua cờ, bật về vạch xuất phát, trao bóng cho số 2, sau đó đi thường về tập hợp ở cuối hàng. Em số 2 nhận bóng, bật như số 1 và cứ lần lượt như vậy cho đến hết. Đội nào xong trước, ít phạm quy thì đội đó thắng cuộc.

B. LUYỆN TẬP:

1. **Khởi động:** Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang (thực hiện mỗi động tác 2x8 nhịp)

2. **Tập luyện:** Các động tác kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy. (HS tự tập luyện)

- Học sinh nghiên cứu tài liệu, kết hợp hướng dẫn của giáo viên để hiểu biết về kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy và trò chơi "Bật xa tiếp sức".

- Tùy điều kiện thực tế về sân bãi, mà học sinh tự tập luyện các nội dung có thể thực hiện được tại nhà.

3. Hồi tĩnh, thả lỏng:

Sau buổi tập, học sinh thực hiện các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

-----HẾT-----

5. MÔN: LỊCH SỬ 9

A. LÝ THUYẾT :

Bài 12: CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (tt)

I. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật

| Lĩnh vực | Thành tựu |
|---|---|
| Khoa học cơ bản | Có nhiều phát minh to lớn trong Toán học, vật lí, hóa học, sinh học... |
| Công cụ sản xuất | Sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động, và hệ thống máy tự động |
| Năng lượng | Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều, năng lượng nguyên tử... |
| Vật liệu mới | Sáng chế những vật liệu mới: chất dẻo Polime, những vật liệu siêu nhẹ, siêu cứng, siêu bền... |
| Nông nghiệp | “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp |
| Giao thông vận tải, thông tin liên lạc | Có nhiều tiến bộ thần kì |
| Chinh phục vũ trụ | Đạt được những thành tựu kì diệu |

II. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật

1. Ý nghĩa: Là cột mốc chói lọi trong lịch sử tiến hoá văn minh của loài người, mang lại những tiến bộ phi thường, những thành tựu kỳ diệu và những thay đổi to lớn trong cuộc sống của con người

2. Tác động:

- Tích cực: cho phép thực hiện những bước nhảy vọt về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người, thay đổi tỉ lệ phân bố dân cư lao động.

- Tiêu cực: chế tạo các loại vũ khí hủy diệt, ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới,...

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Nguồn năng lượng mới nào được tìm ra từ cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại?

- A. Năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nguyên tử, năng lượng thủy triều.
- B. Năng lượng điện
- C. Năng lượng than đá
- D. Năng lượng dầu mỏ.

2. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại đã tìm ra vật liệu mới nào dưới đây?

- A. Bê tông.
- B. Pôlime.
- C. Sắt, thép.
- D. Hợp Kim.

3.Thành tựu nào của cuộc CM khoa học - kĩ thuật hiện đại đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

- A. Sáng chế những vật liệu mới
- B. Khoa học công nghệ
- C. Cuộc “cách mạng xanh”
- D. Tạo ra công cụ lao động mới

4.Quốc gia nào là nơi khởi đầu cuộc Cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại?

- A. Anh
- B. Mĩ
- C. Pháp
- D. Nhật Bản

5.Cách mạng khoa học – kĩ thuật có tác động như thế nào đến cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế của các nước phát triển cao?

- A. Lao động trong lĩnh vực công nghiệp tăng lên
- B. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm xuống
- C. Lao động trong lĩnh vực dịch vụ giảm xuống
- D. Lao động trong nông nghiệp, công nghiệp giảm xuống, dịch vụ tăng lên

6.Năm 1969, con người đã đạt được thành tựu gì trong công cuộc chinh phục vũ trụ?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo
- B. Đưa con người bay vào vũ trụ
- C. Đưa con người lên mặt trăng
- D. Đưa con người lên sao Hỏa

7.Tác dụng tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

- A. Ô nhiễm môi trường, Tai nạn lao động
- B. Chế tạo ra các loại vũ khí hủy diệt
- C. Các loại dịch bệnh mới xuất hiện
- D. Các câu A,B,C đúng

C. DẶN DÒ

Bài 13: Tổng kết LSTG từ sau 1945 đến nay học sinh tự học

-

-----HẾT-----

6. MÔN: NGỮ VĂN 9

CHỦ ĐỀ: THƠ HIỆN ĐẠI

A. LÝ THUYẾT: NỘI DUNG GHI BÀI:

Văn bản 4: BẾP LỬA

Bằng Việt

I/ Đọc và tìm hiểu chú thích:

II/ Đọc và tìm hiểu văn bản:

1/ Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ bà:

2/ Những kỉ niệm tình bà cháu và hình ảnh bà trong hồi tưởng của tác giả (Đoạn 2,3,4,5):

3/ Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà: (Đoạn 6)

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

-> Cuộc đời bà nhiều “lận đận”, trải qua nhiều “nắng mưa” vất vả.

=> **Văn thơ chứa đựng bao nghĩa nặng tình sâu. Cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà.**

- “Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương ...

Nhóm nồi xôi gạo ...

Nhóm dậy cả những ... tuổi nhỏ”

-> Điệp ngữ “nhóm” trong 4 câu thơ có điểm chung là cùng gắn với hành động nhóm bếp, nhóm lửa của bà nhưng lại khác nhau ở những ý nghĩa cụ thể:

+ “**Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm**” -> để sưởi ấm cho bà cháu qua cái lạnh của sương sớm

+ “**Nhóm niềm yêu thương...**” -> vừa nhóm bếp luộc khoai, luộc sắn cho cháu ăn đỡ đói lòng mà như còn đem đến cho đứa cháu nhỏ cái ngọt bùi của sắn khoai, của tình thương vô hạn của bà.

+ “**Nhóm nồi xôi gạo mới ...**” -> lòng bà còn mở rộng hơn cùng với nồi xôi gạo mới là tình cảm xóm làng đoàn kết, gắn bó, chia ngọt sẻ bùi.

+ “**Nhóm dậy ... tuổi nhỏ**” -> mang nghĩa trừu tượng: khơi dậy trong tâm hồn cháu tình yêu thương và khát vọng tuổi thơ đã sáng bừng lên từ ngọn lửa do bà “nhóm” suốt mấy chục năm trời.

=> **Nhấn mạnh, khẳng định giá trị lớn lao bà đã làm từ việc nhóm bếp lửa đến việc bà đã khơi dậy tình yêu thương, sự sống cho cháu, mọi người.**

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

-> Câu cảm thán.

-> Bếp lửa bà nhóm lên bằng chính ngọn lửa trong lòng bà – ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương, niềm tin.

=> **Bếp lửa bình dị mà cao quý, thân thuộc mà kì lạ, gắn liền với hình ảnh người bà.**

4/ Nỗi nhớ về bà và bếp lửa (Khổ cuối)

- Lời tự bạch của người cháu đi xa không nguôi nhớ về bà.

-> Điệp ngữ, liệt kê

=> **Mở ra một thế giới rộng lớn, đồng thời cho thấy nỗi nhớ của cháu về bà.**

Sớm mai này ... lên chưa?”

=> **Nỗi nhớ về bà cũng là nhớ về quê hương, cội nguồn, là đạo nghĩa thủy chung của con người Việt Nam.**

III/ Ghi nhớ: SGK trang 146

Văn bản 5: ÁNH TRĂNG

Nguyễn Duy

I. Đọc và tìm hiểu chú thích :

1/ Tác giả: Nguyễn Duy sinh năm 1948, quê ở Thanh Hoá, tham gia chiến đấu chống Mỹ ở nhiều chiến trường. Là gương mặt tiêu biểu lớp nhà thơ trẻ thời chống Mỹ.

2/ Tác Phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: năm 1978 tại TP HCM.

- Thể loại: Thơ 5 chữ;

- Đại ý: Cảm xúc của tác giả về ánh trăng – một hình ảnh của đất trời thiên nhiên, biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình.

II/ Đọc và tìm hiểu văn bản:

1/ Vàng trăng thời quá khứ:

- Hồi nhỏ, hồi chiến tranh

-> Điệp ngữ.

-> **Tái hiện toàn bộ quá khứ.**

- Với đồng, với sông, với bể, ở rừng

-> Liệt kê, điệp ngữ.

=> **Cuộc đời mỗi lúc một thêm rộng mở và con người luôn có những kỉ niệm gắn bó với thiên nhiên quê hương.**

- Vàng trăng thành tri kỷ

-> Nhân hoá

=> **Vàng trăng là người bạn gắn bó, thân thiết.**

- Trần trụi với thiên nhiên

hồn nhiên như cây cỏ

-> So sánh

=> **Gợi tả hình ảnh vàng trăng đơn sơ, mộc mạc, bình dị, trong sáng.**

- Ngỡ không bao giờ quên

cái vàng trăng tình nghĩa

-> Nhân hoá

=> **Trăng là biểu tượng của quá khứ ân tình, con người tự nhủ sẽ không quên.**

2/ Vàng trăng thời hiện đại:

Vàng trăng đi qua ngõ

Như người dung qua đường

-> Nhân hoá, so sánh.

=> **Trăng tồn tại lặng lẽ, trở nên xa lạ, nằm ngoài sự quan tâm của con người. Cuộc sống thay đổi và tình người cũng đổi thay.**

- Thành linh đèn điện tắt

Phòng buyn-đinh tối om

-> Hình ảnh tả thực.

=> **Hình ảnh thường thấy trong cuộc sống hiện đại.**

- Vội bật tung cửa sổ

-> Động từ

=> **Phản xạ tự nhiên, hối hả đi tìm nguồn sáng.**

- Đột ngột vàng trắng tròn
- > Tình huống đặc biệt.
- => **Trăng vẫn thủy chung, ân tình với người lính.**

3/ Cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình:

- Ngửa mặt lên nhìn mặt
- > **Đối diện với trăng – người bạn cũ.**
- Có cái gì rưng rưng
- > Từ láy tượng hình.
- => **Nổi nghẹn ngào, xúc động muốn khóc.**
- Như là đồng là bể
như là sông là rừng
- > Điệp ngữ, so sánh...
- => **Toàn bộ quá khứ ùa về.**
- Trăng cứ tròn vành vạnh

.....
Ánh trăng im phăng phắc

- > Từ láy, động từ.
- => **Trăng – người bạn tri kỷ năm xưa vẫn chung thủy, vừa bao dung vừa nghiêm khắc.**
- Đủ cho ta giật mình
- => **Sự thức tỉnh, sám hối và tự nhắc mình về lẽ sống ân nghĩa, thủy chung.**

III/ Ghi nhớ: SGK trang 157

B. LUYỆN TẬP:

- 1/ Học thuộc bài thơ, nắm được các chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ, nội dung từng khổ thơ.
- 2/ Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong bài thơ *Ánh trăng*, em hãy kể lại sự thay đổi trong tình cảm, suy nghĩ của bản thân.

-----HẾT-----

7. MÔN: SINH 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 25: THƯỜNG BIẾN

I. Định nghĩa :

Thường biến là những biến đổi về **kiểu hình** phát sinh trong đời sống cá thể, dưới **ảnh hưởng** trực tiếp của **môi trường**

VD : Cây rau mác sống trên cạn lá dạng mũi mác

Sống dưới nước lá dạng sợi mảnh

****Tính chất của Thường biến**

-Xảy ra đồng loạt ,theo hướng xác định được

-Không di truyền

**** Ý nghĩa :**

-Thường biến có lợi

- Giúp sinh vật thích nghi với môi trường sống

II. Mối quan hệ giữa kiểu gen ,môi trường và kiểu hình

- Kiểu hình là kết quả tương tác giữa kiểu gen và môi trường

- Bố ,mẹ không truyền cho con kiểu hình mà truyền cho con **kiểu gen quy định các phản ứng trước môi trường**

-Trong đó :

* Tính trạng chất lượng : như màu mắt ,màu tóc ... ít phụ thuộc vào môi trường

* Tính trạng số lượng : như chiều cao ,cân nặng ...phụ thuộc nhiều vào môi trường

III. Mức phản ứng :

Là **giới hạn của thường biến của 1 kiểu gen ,1 gen hay 1 nhóm gen trước môi trường khác nhau**

Mức phản ứng do kiểu gen quy định

VD Giống lúa DR2 trồng trong điều kiện bình thường -> thu hoạch 5 tấn /ha

Trong điều kiện chăm sóc tốt -> thu hoạch 8 tấn /ha

B. LUYỆN TẬP :

1. Thường biến là gì ? Phân biệt thường biến và đột biến ?

2. Mức phản ứng là gì ? Cho VD về mức phản ứng của cây trồng ?

3. Người ta đã vận dụng những hiểu biết về ảnh hưởng của môi trường đối với tính trạng số lượng ,về mức phản ứng để nâng cao năng suất cây trồng như thế nào ?

C DẶN DÒ :

-Học bài

-Làm phần so sánh thường biến với đột biến trong vở

PHẦN A. LÝ THUYẾT

CHƯƠNG V : DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI

Bài 28: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DI TRUYỀN NGƯỜI

****Có 2 phương pháp ; Nghiên cứu Phả hệ và nghiên cứu trẻ đồng sinh**

I. Nghiên cứu Phả hệ :

Là theo dõi sự **di truyền của một tính trạng** nhất định trên những người thuộc một dòng họ qua nhiều thế hệ

**** Mục đích :** để xác định tính trạng đó là trội hay lặn ,do 1 gen hay nhiều gen quy định

II. Nghiên cứu trẻ đồng sinh :

Trẻ đồng sinh là những đứa trẻ được sinh ra trong 1 lần sinh

**** Có 2 trường hợp**

-Trẻ đồng sinh cùng trứng

-Trẻ đồng sinh khác trứng

****Ý nghĩa : nhằm xác định**

-Tính trạng nào do gen quyết định

-Tính trạng nào do ảnh hưởng của môi trường tự nhiên

B. LUYỆN TẬP:

1. Phương pháp nghiên cứu phả hệ là gì ?Tại sao người ta phải dùng phương pháp đó để nghiên cứu sự di truyền một số tính trạng ở người ?

Hãy cho 1 VD về ứng dụng của phương pháp trên ?

2. Trẻ đồng sinh cùng trứng và khác trứng khác nhau cơ bản ở những điểm nào ?
Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh có vai trò gì trong nghiên cứu di truyền người ?

Cho 1 VD trẻ đồng sinh ở địa phương em ?

C. DẶN DÒ :

-Học bài

-Làm phần luyện tập ,tìm các VD như yêu cầu

-----HẾT-----

8. MÔN: MỸ THUẬT 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ NÉT TIÊU BIỂU CỦA MỸ THUẬT CHÂU Á.
TIẾT 13, 14: SƠ LƯỢC VỀ MỘT SỐ NỀN MỸ THUẬT CHÂU Á.

- Các bước vẽ trang trí túi tote:

1. Chọn phiên bản túi tote.
2. Phác thảo bố cục cả túi hay 1 phần túi tote...
3. Chọn tranh trong loạt 36 bức vẽ núi Phú Sĩ của họa sư Hokusai, hoặc loạt tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Hoàng truyền thống Việt Nam để trang trí.
4. Vẽ màu.





B. LUYỆN TẬP:

-Trang trí túi tote.

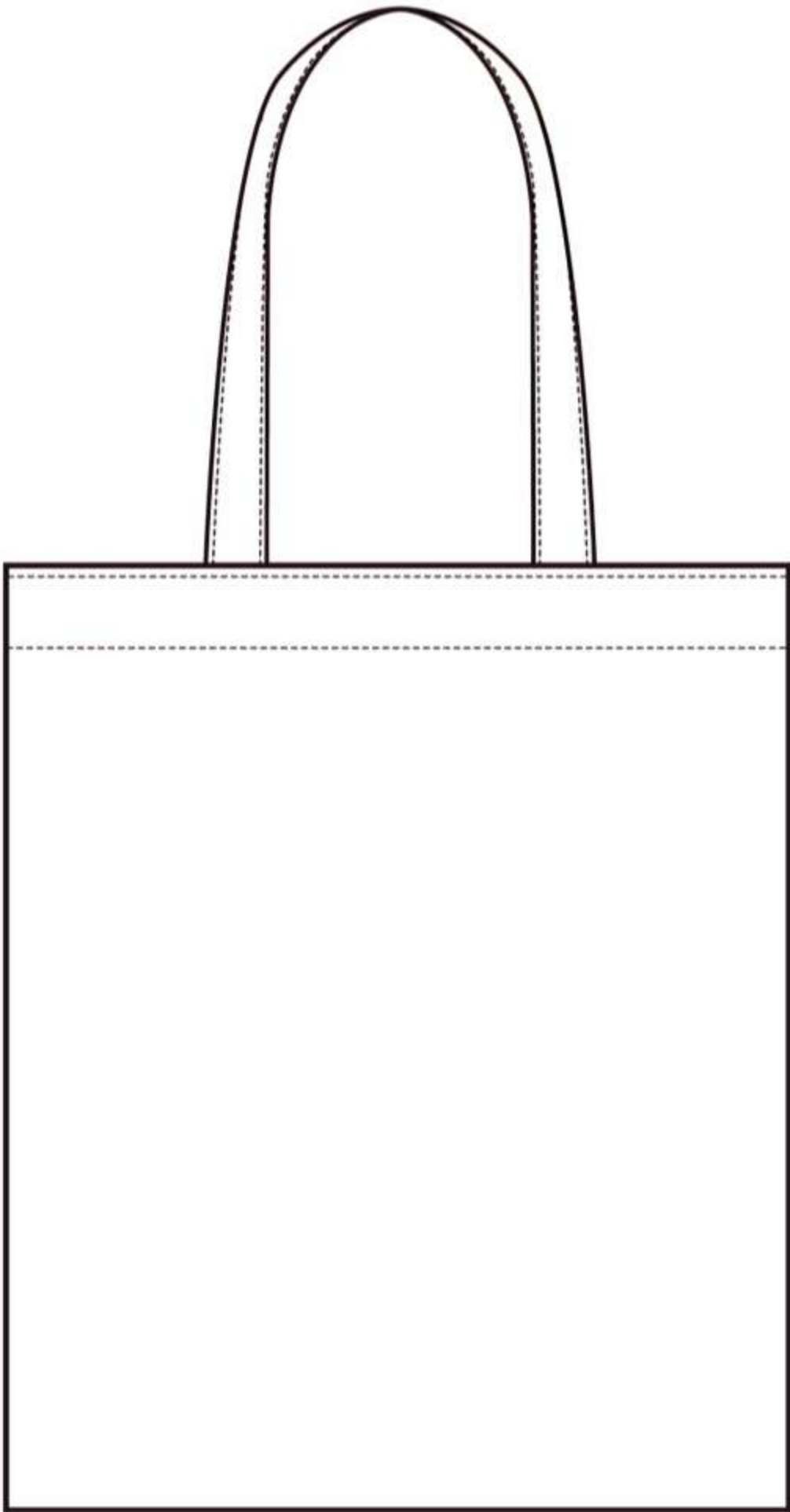
-Kích thước: A4

-Chất liệu màu: sử dụng tranh khắc gỗ màu Nhật Bản về 1 trong 36 cảnh núi Phú Sĩ của họa sư Hokusai hoặc tranh khắc gỗ dân gian Việt Nam như Hàng Trống, Đông Hồ, Kim Hoàng để trang trí.

-Cho biết tên, nội dung và ý nghĩa của bức tranh mà em sử dụng để trang trí.

-Lưu ý: các em có thể tùy chỉnh kích thước dài rộng để túi tote đạt được hình dáng mong muốn.





9. MÔN: GDCD 9

Chủ đề : Vấn đề về môi trường sống Bài 4 : Bảo vệ hòa bình .

A . LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

Học sinh học thuộc nội dung bài học (1,2) (học sinh đã ghi ở tuần 13) .

B . LUYỆN TẬP :

Câu 1 : Những việc làm thể hiện yêu hòa bình ?

- Lắng nghe người khác nói .
- Biết thừa nhận điểm mạnh của người khác .
- Tôn trọng nền văn hóa của các dân tộc , quốc gia khác .
- Khi có mâu thuẫn , xung đột thì giải quyết bằng lời nói , không bạo lực

Câu 2 : Hòa bình mang lại cho chúng ta điều gì ?

Hòa bình mang lại cho chúng ta có cuộc sống thanh bình , hạnh phúc , ấm no .

Câu 3 : Bảo vệ hòa bình là trách nhiệm của ai ?

Bảo vệ hòa bình là trách nhiệm của toàn nhân loại .

C . DẶN DÒ:

- + Học nội dung bài học (Khái niệm, ý nghĩa) .
- + Vào trang lớp học làm bài tập (lấy điểm cột kiểm tra thường xuyên 2) .
- + Đọc trước bài 7 : Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc .
Kể tên một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam .

-----HẾT-----

10. MÔN: TIN HỌC 9

Bài 6:

TIN HỌC VÀ XÃ HỘI

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Tin học trong xã hội hiện đại

Tin học đã được ứng dụng trong mọi lĩnh vực của xã hội như: nhu cầu cá nhân, quản lý, điều hành và phát triển kinh tế của đất nước.

- Sự phát triển của mạng Internet làm cho việc ứng dụng tin học ngày càng được phổ biến rộng rãi.

- Ứng dụng tin học giúp tăng hiệu quả sản xuất, cung cấp các dịch vụ và công tác quản lý.

- Thay đổi phong cách sống của con người.

- Mặt trái: Mê game, cá độ, cờ bạc trên mạng,

KL: Ngày nay tin học và máy tính đã thật sự trở thành động lực và lực lượng sản xuất góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội.

2. Kinh tế tri thức và xã hội tin học hóa

a. Tin học và nền kinh tế tri thức:

- Kinh tế tri thức là nền kinh tế mà trong đó tri thức là yếu tố quan trọng trong việc tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội.

- Tin học và máy tính là cơ sở sự ra đời và phát triển của nền kinh tế tri thức.

KL: Tin học và máy tính là cơ sở của sự ra đời và phát triển của nền kinh tế tri thức.

b. Xã hội tin học hóa:

- Xã hội tin học hóa là xã hội mà các hoạt động chính của nó được điều hành với sự hỗ trợ của tin học và mạng máy tính.

- Xã hội tin học hóa làm tiền đề quyết định cho sự phát triển nền kinh tế tri thức, việc ứng dụng tin học giúp nâng cao hiệu quả công việc, giảm nhẹ công việc chân tay, nặng nhọc, nguy hiểm... giúp nâng cao chất lượng cuộc sống.

KL: Xã hội tin học hóa là yếu tố quan trọng nhất quyết định cho sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

3. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Xem SGK/Tr 57

4. Con người trong xã hội tin học hóa

- Có ý thức bảo vệ thông tin.

- Có trách nhiệm với mỗi thông tin đưa lên mạng Internet.

- Xây dựng phong cách sống khoa học,...

- Tội phạm công nghệ cao, có nhiều thông tin không chính thống,...

KL: Cần có ý thức bảo vệ thông tin và các nguồn tài nguyên mạng thông tin, tài sản chung của mọi người, của toàn xã hội. Cần có trách nhiệm đối với mỗi thông tin đưa lên mạng.

B. LUYỆN TẬP:

1. Mức độ nhận biết

Máy tính và mạng Internet có thể giúp em

- a. Học tiếng anh tốt hơn.
- b. Tính nhẩm nhanh hơn
- c. Viết được những bài thơ hay
- d. Trao đổi thông tin học tập với bạn bè nhanh hơn và thuận tiện hơn.

2. Mức độ thông hiểu:

Cũng như các công cụ khác, tin học chỉ mang lại lợi ích cho con người khi sử dụng một cách hợp lí và đúng mục đích. Trong những hoạt động dưới đây, hoạt động nào đáng phê phán và không nên thực hiện?

- a. Giành nhiều thời gian để chơi những trò chơi hấp dẫn trên máy tính.
- b. Tham gia câu lạc bộ Tin học trên mạng
- c. Quá đam mê trò chơi trực tuyến trên mạng, tham gia câu lạc bộ ảo và xa rời cuộc sống thực.
- d. Đưa thông tin và hình ảnh không trung thực lên Internet
- e. Sử dụng máy tính để học ngoại ngữ.

3. Mức độ vận dụng:

Câu 3: Điền từ còn thiếu vào ô trống?

Các cụm từ sau: tổ chức, tăng hiệu quả, phong cách sống, phát triển, nhận thức vào chỗ trống (. . .) trong các câu dưới đây để được phát biểu đúng về tác động của tin học đối với xã hội

- a. Ứng dụng tin học giúpsản xuất, cung cấp dịch vụ và quản lí.
- b. Tin học làm thay đổivà cách các hoạt động xã hội.
- c. Tin học đã góp phần thay đổicủa con người.
- d. Tin học và máy tính góp phần thúc đẩy sựmạnh mẽ của các lĩnh vực khoa học.

DẶN DÒ:

- HS lên trang lớp học làm câu hỏi luyện tập tuần 14.

-----HẾT-----

11. MÔN: VẬT LÝ 9

Chủ đề 4. TỪ TRƯỜNG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Bài 27: LỰC ĐIỆN TỪ

I. Tác dụng của từ trường lên dây dẫn có dòng điện

1. *Thí nghiệm:* (H27.1 SGK)

C1: Chứng tỏ đoạn dây dẫn AB chịu tác dụng của 1 lực nào đó.

2. *Kết luận:* Từ trường tác dụng lực lên đoạn dây dẫn AB có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường. Lực đó được gọi là lực điện từ.

II. Chiều của lực điện từ. Quy tắc bàn tay trái

1. *Chiều của lực điện từ phụ thuộc vào những yếu tố nào?*

a. *Thí nghiệm:* (sgk)

b. *Kết luận:* Chiều của lực điện từ tác dụng lên dây dẫn AB phụ thuộc vào chiều dòng điện chạy trong dây dẫn và chiều của đường sức từ.

2. *Quy tắc bàn tay trái:*

Đặt bàn tay trái sao cho các đường sức từ hướng vào lòng bàn tay, chiều từ cổ tay đến ngón tay giữa hướng theo chiều dòng điện thì ngón tay cái choãi ra 90^0 chỉ chiều của lực điện từ.

III. Vận dụng

C2: Trong đoạn dây dẫn AB, dòng điện có chiều đi từ B đến A

C3: Đường sức từ của nam châm có chiều đi từ dưới lên trên.

C4:

- Hình 27.5a sgk cặp lực điện từ có tác dụng làm khung quay theo chiều kim đồng hồ.

- Hình 27.5b cặp lực điện từ không có tác dụng làm khung quay

- Hình 27.5c cặp lực điện từ có tác dụng làm khung quay theo chiều ngược với chiều kim đồng hồ

Bài 28: ĐỘNG CƠ ĐIỆN MỘT CHIỀU

I. Nguyên tắc cấu tạo và hoạt động của động cơ điện một chiều

1. *Các bộ phận chính của động cơ điện 1 chiều*

Động cơ điện 1 chiều gồm 2 bộ phận chính là nam châm và khung dây dẫn có bộ góp điện.

2. *Hoạt động của động cơ điện một chiều*

C1: (HS tự trả lời)

C2: Khung dây sẽ quay do tác dụng của 2 lực từ tác dụng lên AB và CD của khung dây.

3. *Kết luận:*

a. Động cơ điện 1 chiều có 2 bộ phận chính là nam châm tạo ra từ trường (bộ phận đứng yên) và khung dây dẫn cho dòng điện chạy qua (bộ phận quay). Bộ phận đứng yên được gọi là stato, bộ phận quay được gọi là rôto.

b. Khi đặt khung dây dẫn ABCD trong từ trường và cho dòng điện chạy qua khung thì dưới tác dụng của lực điện từ, khung dây sẽ quay

II. Động cơ điện 1 chiều trong kỹ thuật

1. Cấu tạo của động cơ điện 1 chiều trong kỹ thuật

Bộ phận chính:

- Nam châm điện (stato)
- Cuộn dây (Rôto)

C4: a. Trong động cơ điện kỹ thuật, bộ phận tạo ra từ trường là nam châm điện.

b. Bộ phận quay của động cơ điện một chiều trong kỹ thuật không đơn giản là một khung dây mà gồm nhiều cuộn dây đặt lệch nhau và song song với trục của 1 khối trụ làm bằng các lá thép kỹ thuật ghép lại.

2. Kết luận: SGK/77

III. Sự biến đổi năng lượng trong động cơ điện

- Khi động cơ điện 1 chiều hoạt động điện năng được chuyển hoá thành cơ năng.

IV. Vận dụng

C5: Quay ngược chiều kim đồng hồ

C6: Vì nam châm vĩnh cửu không tạo ra từ trường mạnh như nam châm điện.

C7: Động cơ điện có mặt trong các dụng cụ gia đình phần lớn là động cơ điện xoay chiều, như quạt điện, máy bơm, động cơ trong máy khâu, trong tủ lạnh, máy giặt.... Ngày nay động cơ điện 1 chiều có mặt phần lớn ở các bộ phận quay của đồ chơi trẻ em.

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Một dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường, không song song với đường sức từ thì:

- A. Chịu tác dụng của lực điện
- B. Chịu tác dụng của lực từ
- C. Chịu tác dụng của lực điện từ
- D. Chịu tác dụng của lực đàn hồi

Câu 2: Muốn xác định được chiều của lực điện từ tác dụng lên một đoạn dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua đặt tại một điểm trong từ trường thì cần phải biết những yếu tố nào?

- A. Chiều của dòng điện trong dây dẫn và chiều của dây.
- B. Chiều của đường sức từ và cường độ lực điện từ tại điểm đó.
- C. Chiều của dòng điện và chiều của đường sức từ tại điểm đó.
- D. Chiều và cường độ của dòng điện, chiều và cường độ của lực từ tại điểm đó.

Câu 3: Theo quy tắc bàn tay trái, chiều từ cổ tay đến ngón tay giữa hướng theo:

- A. Chiều của lực điện từ
- B. Chiều của đường sức từ
- C. Chiều của dòng điện
- D. Chiều của đường đi vào các cực của nam châm

Câu 4: Chiều của lực điện từ tác dụng lên dây dẫn phụ thuộc vào:

- A. Chiều của dòng điện qua dây dẫn.
- B. Chiều đường sức từ qua dây dẫn.
- C. Chiều chuyển động của dây dẫn.
- D. Chiều của dòng điện trong dây dẫn và chiều của đường sức từ.

Câu 5: Xác định câu nói đúng về tác dụng của từ trường lên đoạn dây dẫn có dòng điện.

- A. Một đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua, đặt trong từ trường và song song với đường sức từ thì có lực từ tác dụng lên nó.
- B. Một đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua, đặt trong từ trường và cắt các đường sức từ thì có lực từ tác dụng lên nó.
- C. Một đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua, không đặt trong từ trường và cắt các đường sức từ thì có lực từ tác dụng lên nó.
- D. Một đoạn dây dẫn không có dòng điện chạy qua, đặt trong từ trường và cắt các đường sức từ thì có lực từ tác dụng lên nó.

Câu 6: Động cơ điện một chiều gồm mấy bộ phận chính?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 7: Chọn phát biểu đúng khi nói về động cơ điện một chiều?

- A. Nam châm để tạo ra dòng điện.
- B. Bộ phận đứng yên là roto.
- C. Để khung có thể quay liên tục cần phải có bộ góp điện.
- D. Khung dây dẫn là bộ phận đứng yên.

Câu 8: Động cơ điện một chiều hoạt động dựa trên:

- A. tác dụng của từ trường lên khung dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường.
- B. tác dụng của điện trường lên khung dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường.
- C. tác dụng của lực điện lên khung dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường.
- D. tác dụng của lực hấp dẫn lên khung dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường.

Câu 9: Động cơ điện một chiều quay được là nhờ tác dụng của lực nào?

- A. lực hấp dẫn
- B. lực đàn hồi
- C. lực điện từ
- D. lực từ

Câu 10: Roto của một động cơ điện một chiều trong kĩ thuật được cấu tạo như thế nào?

- A. là một nam châm vĩnh cửu có trục quay.
- B. là một nam châm điện có trục quay.
- C. là nhiều cuộn dây dẫn có thể quay quanh một trục.
- D. là nhiều cuộn dây dẫn cuốn quanh một lõi thép gắn với vỏ máy.

Câu 11: Dụng cụ nào sau đây khi hoạt động nó chuyển hóa điện năng thành cơ năng?

- A. Bàn ủi điện và máy giặt.
- B. Máy khoan điện và mỏ hàn điện.

C. Quạt máy và nồi cơm điện.

D. Quạt máy và máy giặt.

Câu 12: Muốn cho động cơ điện quay được, cho ta cơ năng thì phải cung cấp năng lượng dưới dạng nào?

A. Động năng

B. Thế năng

C. Nhiệt năng

D. Điện năng

DẶN DÒ:

- Chép lý thuyết vào vở.

- Học lý thuyết bài 27, 28.

- Hoàn tất bài tập ở trên.

- Xem trước bài 30.

-----HẾT-----

12. MÔN: ĐỊA LÝ 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Chủ đề 3: SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ.

(Từ bài 17 đến bài 29)

Vùng 4: VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.

☞BÀI 25 – 26 SGK☞

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ:

- Diện tích : 44 254 km².
- Gồm: 1 thành phố trực thuộc Trung Ương và 7 tỉnh.
- Giới hạn : Kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận. Giáp : Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và biển Đông. Có nhiều đảo quan trọng, đặc biệt là 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- Ý nghĩa :
 - + Là cầu nối Bắc – Nam, nối Tây Nguyên với biển.
 - + Thuận lợi cho lưu thông và trao đổi hàng hóa.
 - + Các đảo và quần đảo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế và an ninh quốc phòng.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN:

- Đặc điểm :
 - + Địa hình gồm 2 phần : núi và gò đồi ở phía Tây, đồng bằng hẹp ở phía Đông.
 - + Khí hậu : mùa hạ khô nóng, mùa đông bão lũ. Vùng có khí hậu nóng khô nhất cả nước, hạn hán kéo dài => hoang mạc hóa.
 - + Rừng có nhiều đặc sản quý : gỗ, quế, trầm hương, sâm quy, kì nam,...
 - + Đường bờ biển khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh
- Thuận lợi :
 - + Phát triển kinh tế biển : hải sản, du lịch, xây dựng cảng nước sâu
 - + Khoáng sản : cát thủy tinh, titan, vàng
- Khó khăn : nhiều thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, sa mạc hóa)

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI: (HS tự học)

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

1. Nông nghiệp:

- Sản xuất lương thực kém phát triển, vùng có bình quân lương thực đầu người thấp hơn cả nước.
- Ngư nghiệp và chăn nuôi bò là thế mạnh của vùng.
 - + Ngư nghiệp gồm khai thác và nuôi trồng thủy sản chiếm 27,4% sản lượng cả nước (năm 2002)
 - + Chăn nuôi bò phát triển ở vùng núi, tỉ trọng lớn nhất nước.
- Nghề làm muối, chế biến thủy sản và thu nhặt tổ yến khá phát triển.
- Khó khăn : thiên tai, quỹ đất nông nghiệp còn hạn chế.

2. Công nghiệp:

- Chiếm tỉ trọng nhỏ trong giá trị sản xuất công nghiệp cả nước (5,6% năm 2002).
- Tốc độ tăng trưởng khá nhanh.
- Cơ cấu đa dạng gồm : luyện kim, cơ khí, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, khai khoáng,...

- Thành phố Đà Nẵng, Quy Nhơn là trung tâm cơ khí sửa chữa, lắp ráp.

3. Dịch vụ:

- Các thành phố cảng biển vừa là đầu mối giao thông thủy bộ vừa là cơ sở xuất nhập khẩu quan trọng.

- Du lịch là thế mạnh của vùng.

- Thương mại có từ lâu đời và phát triển.

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

- Các trung tâm kinh tế : Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có tầm quan trọng không chỉ với vùng duyên hải Nam Trung Bộ mà còn đối với toàn bộ miền Trung và Tây Nguyên.

(đọc TBĐ trang 25)

B. LUYỆN TẬP: Chọn 1 đáp án đúng nhất.

Câu 1: Hiện nay, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ gồm mấy thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh?

- 15
- 6
- 8
- 10

Câu 2: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- Đà Nẵng
- Khánh Hoà
- Ninh Thuận
- Thừa Thiên – Huế

Câu 3: Ngành thủy sản là một trong những thế mạnh của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nhờ:

- Bờ biển dài.
- Ít thiên tai.
- Nhiều bãi tôm cá.
- Tàu thuyền nhiều.

Câu 4: Cả hai vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ có những điểm giống nhau về nguồn lợi biển là:

- Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.
- Làm muối.
- Khai thác tổ yến.
- Khai thác bãi tắm.

Câu 5: Cho bảng số liệu sau:

MỘT SỐ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

| Tiêu chí \ Năm | 1995 | 2000 | 2002 |
|----------------------|--------|--------|--------|
| Đàn bò (nghìn con) | 1026,0 | 1132,6 | 1008,6 |
| Thuỷ sản (nghìn tấn) | 339,4 | 462,9 | 521,1 |

Nhận xét nào sau đây đúng nhất?

- a. Sản lượng đàn bò tăng liên tục.
- b. Sản lượng thuỷ sản tăng liên tục.
- c. Sản lượng đàn bò giảm liên tục.
- d. Sản lượng thuỷ sản giảm liên tục.

*** Dặn dò:**

- Làm bài phần B. Luyện tập trên trang lohoc.
- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint trong tuần 14 vùng 4: Vùng duyên hải Nam Trung Bộ (bài 25 +26).

-----HẾT-----

13. MÔN: CÔNG NGHỆ 9

A- LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 14- Bài 6: Thực hành: LẮP MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN(TT) **II. Nội dung và trình tự thực hành:**

3- Lắp đặt mạch điện bảng điện:

Gồm 5 bước:

Bước 1: Vạch dấu

- Bố trí các thiết bị điện trên bảng điện
- Vạch dấu các lỗ khoan

Bước 2: Khoan lỗ bảng điện (dùng dùi khoan tạo lỗ)

Bước 3: Nối dây thiết bị điện của bảng điện

- Nối dây các các thiết bị điện trên bảng điện
- Nối dây ra đèn

Bước 4: Lắp thiết bị điện vào bảng điện

- Lắp các thiết bị điện lên bảng điện vào các vị trí đã vạch sẵn.

Bước 5: Kiểm tra

- Lắp đặt thiết bị và đi dây theo đúng sơ đồ mạch điện
- Nối dây nguồn, kiểm tra mạch điện bằng bút thử điện
- Vận hành thử mạch điện (GV thực hiện)

B - LUYỆN TẬP:

Câu 1: Hãy nêu quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện ?

Câu 2: Vẽ sơ đồ lắp đặt của mạch điện gồm 2 cầu chì, 1 ổ điện, 1 công tắc hai cực điều khiển 1 đèn? (lưu ý: tách ra thành hai bảng điện: bảng điện 1: gồm 1 cầu chì, 1 công tắc; bảng điện 2 gồm 1 cầu chì, 1 ổ điện, đèn đặt ở giữa).

C-DẶN DÒ:

- Học sinh ôn lại bài, ghi bài vào tập; xem video hướng dẫn vẽ SĐNL và SĐLD mạch điện bảng điện.
- Hoàn thành bài tập tuần 13+ 14 trên trang lớp học, hạn chót 17h-10/12/21
- Xem trước bài 7 - Thực hành lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang.

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ
MÔN THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

| STT | Môn học | Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh |
|------------|----------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1 | Ngữ văn | | |
| 2 | Toán | | |
| 3 | Vật lý | | |
| 4 | Hóa học | | |
| 5 | GDCD | | |
| 6 | Tin học | | |
| 7 | Công nghệ | | |

| | | | |
|----|-----------|--|--|
| 8 | Sinh học | | |
| 9 | Mỹ thuật | | |
| 10 | Thể dục | | |
| 11 | Tiếng Anh | | |
| 12 | Lịch sử | | |
| 13 | Địa lý | | |